

Số: 045/2013 /BCKT-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 21 tháng 01 năm 2013, từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 15 tháng 02 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi..

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Đã ký

Đã ký

Trương Quang Trung – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1752/KTV

Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1521/KTV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) =110+120+130+140+150	100		17.865.230.247	17.869.037.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	3.444.046.038	974.285.852
1. Tiền	111		2.544.046.038	974.285.852
2. Các khoản tương đương tiền	112		900.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	3.000.000.000	5.071.555.556
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.000.000.000	5.071.555.556
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		7.837.919.366	9.932.938.839
1. Phải thu khách hàng	131	VI.03	7.841.682.805	7.428.003.977
2. Trả trước cho người bán	132	VI.04	25.111.700	2.530.302.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.05	2.085.861	2.085.862
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(30.961.000)	(27.453.000)
IV. Hàng tồn kho	140		2.836.847.534	1.310.619.028
1. Hàng tồn kho	141	VI.06	2.836.847.534	1.310.619.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.07	746.417.309	579.638.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu của nhà nước	154		63.902.959	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		682.514.350	579.638.600
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		20.205.272.398	16.212.492.111
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.115.622.795	15.931.780.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.08	20.115.622.795	15.749.217.325
- Nguyên giá	222		32.141.512.027	26.540.150.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.025.889.232)	(10.790.933.152)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	182.563.576
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.649.603	280.711.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	89.649.603	280.711.210
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.070.502.645	34.081.529.986
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		6.787.525.606	4.758.084.935
I. Nợ ngắn hạn	310		6.787.525.606	4.629.425.955
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	VI.10	3.403.432.266	2.537.551.087
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.11	1.187.500.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.12	784.353.635	782.379.983
5. Phải trả người lao động	315		1.307.176.855	1.171.227.431
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	-	17.313.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.14	35.013.840	28.838.491
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		70.049.010	92.115.258
II. Nợ dài hạn	330		-	128.658.980
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	128.658.980
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	VI.15	31.282.977.039	29.323.445.051
I. Vốn chủ sở hữu	410		31.240.632.890	29.317.498.587
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		908.053.157	733.241.269
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		509.297.006	351.955.130
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.737.818.055	3.146.837.516
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		42.344.149	5.946.464
1. Nguồn kinh phí	432		42.344.149	5.946.464
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		38.070.502.645	34.081.529.986

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	24	#NAME?	#NAME?
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		#NAME?	#NAME?
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		#NAME?	#NAME?
4. Nợ khó đòi đã xử lý (Q4/12- 103 HD tiền nước năm 2008,2009)		17.227.629	#NAME?
5. Ngoại tệ các loại		#NAME?	#NAME?
- Ngoại tệ các loại		#NAME?	#NAME?
6. Hạn mức kinh phí còn lại		#NAME?	#NAME?

Long Khánh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Đã ký

Lê Văn Anh

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Đã ký

Lê Văn Thới

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

(Đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	12/31/2012	12/31/2011
(1)	(2)		(3)	(4)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	23.827.337.617	20.757.352.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		899.935	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		23.826.437.682	20.757.352.004
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	14.344.002.673	13.162.563.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.482.435.009	7.594.788.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	512.036.667	719.769.637
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	6.416.663	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.416.663	-
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	1.239.652.337	1.268.644.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	3.522.039.051	2.847.179.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30	VII.7	5.226.363.625	4.198.734.911
11. Thu nhập khác	31		720.583.312	1.448.914
12. Chi phí khác	32		204.137.170	468
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		516.446.142	1.448.446
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế :(50 = 30 + 40)	50		5.742.809.767	4.200.183.357
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.7	1.004.991.712	1.050.045.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :	60	VII.9	4.737.818.055	3.150.137.516
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.895	1.260

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)
(Đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	12/31/2012	12/31/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28.130.846.215	22.858.155.753
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.984.236.308)	(13.565.171.390)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.733.307.790)	(3.910.967.339)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.416.663)	-
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(874.650.000)	(1.354.180.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.359.444.029	821.668.649
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.998.588.729)	(3.170.881.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.893.090.754	1.678.623.080
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(219.342.568)	(268.461.454)
2. Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay , mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(900.000.000)	(2.071.555.556)
4. Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.224.107.726	2.259.840.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27	61.904.274	410.576.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.166.669.432	330.399.517
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu , mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.490.000.000)	(2.199.498.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.490.000.000)	(2.199.498.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.569.760.186	(190.475.538)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	974.285.852	1.164.761.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	2.544.046.038	974.285.852

Lập biểu ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng

(ký, họ tên)

Giám Đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02 Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, xây dựng, giám sát.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch; Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước; Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán sổ chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và khoản cho vay ngắn hạn.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, cải tạo các giếng nước và sửa chữa hàng rào, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 24 tháng.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp nước, doanh thu được ghi nhận theo số đồng hồ nước do các đội báo cáo về Công ty và phát hành hóa đơn tiền nước.

Doanh thu dịch vụ lắp đặt đồng hồ nước được ghi nhận khi đã hoàn thành việc lắp đặt, khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu xây lắp được ghi nhận khi có quyết toán công trình và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong năm.

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Tiền mặt	29.921.473	79.414.418
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.514.124.565	894.871.434
Các khoản tương đương tiền (**)	900.000.000	-
Cộng	<u>3.444.046.038</u>	<u>974.285.852</u>

(*) Chi tiết

Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Long Khánh	2.015.946.321
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Long Khánh	65.294.322
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội Chi nhánh Đồng Nai	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	432.883.922
Cộng	<u>2.514.124.565</u>

(**) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Long Khánh

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	-	2.071.555.556
Cộng	<u>3.000.000.000</u>	<u>5.071.555.556</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần du lịch Giang Điền	3.279.834.056	1.706.674.000
Công ty TNHH MTV cấp nước Đồng Nai	2.426.148.111	3.154.061.212
Công ty Sonadezi An Bình	340.228.258	407.246.258
Công ty TNHH Hồng Hà	270.071.000	540.071.000
Khách hàng khác	1.525.401.380	1.619.951.507
Cộng	<u>7.841.682.805</u>	<u>7.428.003.977</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	-	1.846.800.000
Đoàn QH&ĐTTN nước 707 (NUOC707)	-	524.000.000
Nhà cung cấp khác	25.111.700	159.502.000
Cộng	<u>25.111.700</u>	<u>2.530.302.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

Là khoản phải thu bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	27.453.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	3.508.000	27.453.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>30.961.000</u>	<u>27.453.000</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	594.284.089	1.013.467.566
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.242.563.445	297.151.462
Cộng	<u>2.836.847.534</u>	<u>1.310.619.028</u>
(*) Chi tiết		
Công trình cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh, Long Thành, Dầu Giây	1.793.929.964	-
Công trình tái định cư phát sinh	263.258.161	8.536.120
Công trình Xóm Hồ	155.094.286	-
Các công trình khác	30.281.034	288.615.342
Cộng	<u>2.242.563.445</u>	<u>297.151.462</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế giá trị gia tăng nộp thừa. Xem tại thuyết minh V.14 trang 20.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng (*)	540.014.350	487.886.600
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	142.500.000	91.752.000
Cộng	<u>682.514.350</u>	<u>579.638.600</u>
(*) Chi tiết		
Nguyễn Văn Vĩnh	179.802.000	
Nguyễn Văn Hoà	119.876.500	
Phan Thanh Hải	111.163.100	
Thái Văn Sơn	68.410.150	
Huỳnh Trường An	20.034.000	
Đối tượng khác	40.728.600	
Cộng	<u>540.014.350</u>	

(**) Là khoản ký quỹ 100% số tiền bảo lãnh của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thị xã Long Khánh cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh, Long Thành, Dầu Giây đoạn qua huyện Long Thành theo hợp đồng bảo lãnh số 5106VPB/21000056 ngày 04/10/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	4.353.767.552	2.376.566.704	19.388.034.154	255.782.067	166.000.000	26.540.150.477
Tăng trong năm	4.764.730.739	177.174.568	659.456.243	-	-	5.601.361.550
- Mua sắm mới	-	177.174.568	534.377.273	-	-	711.551.841
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.458.597.577	-	125.078.970	-	-	4.583.676.547
- Tăng khác	306.133.162	-	-	-	-	306.133.162
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.118.498.291	2.553.741.272	20.047.490.397	255.782.067	166.000.000	32.141.512.027
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	259.885.227	774.713.503	316.158.444	13.416.000	-	1.364.173.174
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.401.134.812	1.272.722.618	6.970.388.110	134.237.612	12.450.000	10.790.933.152
Khấu hao trong năm	293.567.111	183.228.494	711.164.717	30.295.758	16.600.000	1.234.956.080
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.694.701.923	1.455.951.112	7.681.652.827	164.533.370	29.050.000	12.025.889.232
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.952.632.740	1.103.844.086	12.417.646.044	121.544.455	153.550.000	15.749.217.325
Số cuối năm	6.423.796.368	1.097.790.160	12.35.837.570	91.248.697	136.950.000	20.115.622.795

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Thổi rửa giếng 3,5,12	102.494.310	-	(45.553.040)	56.941.270
Thổi rửa giếng 11	30.708.333	-	(16.750.000)	13.958.333
In 500.000 VNĐ tiền nước	43.750.000	-	(25.000.000)	18.750.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.758.567	-	(103.758.567)	-
Cộng	280.711.210	-	(191.061.607)	89.649.603

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	1.652.663.692	267.047.522
Công ty TNHH Ngọc Thạch	720.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Đức Anh	471.108.000	-
Công ty TNHH MTV Phương Phương Thịnh	295.404.400	-
Công ty TNHH MTV Đạt Thành Nguyên	212.072.573	-
Khách hàng khác	52.183.601	2.270.503.565
Cộng	3.403.432.266	2.537.551.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước

Là khoản ứng trước tiền xây lắp của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	178.752.856	59.629.317	(302.285.132)	(63.902.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	375.045.841	1.004.991.712	(874.650.000)	505.387.553
Thuế thu nhập cá nhân	4.716.950	96.096.857	(88.581.190)	12.232.617
Thuế tài nguyên	68.725.298	421.316.242	(420.848.520)	69.193.020
Các loại thuế khác	-	21.925.674	(21.925.674)	-
Phí môi trường	155.139.038	1.207.242.105	(1.164.840.698)	197.540.445
Cộng	782.379.983	2.811.201.907	(2.873.131.214)	720.450.676

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.742.809.767	4.200.183.357
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Thu nhập tính thuế	5.742.809.767	4.200.183.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.702.444	1.050.045.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012	430.710.732	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.004.991.712	1.050.045.841

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và cá qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	18.228.745	13.879.819
Bảo hiểm xã hội	2.877.566	2.644.525
Bảo hiểm y tế	1.926.529	1.926.342
Phải trả khác	11.981.000	10.387.805
Cộng	35.013.840	28.838.491

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	12.920.755	188.810.252	(150.600.000)	51.131.007
Quỹ phúc lợi	79.194.503	125.873.500	(186.150.000)	18.918.003
Cộng	92.115.258	314.683.752	(336.750.000)	70.049.010

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	85.464.672	733.241.269	351.955.130	3.146.837.516	29.317.498.587
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.737.818.055	4.737.818.055
Phân phối lợi nhuận	-	-	174.811.888	157.341.876	(332.153.764)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(314.683.752)	(314.683.752)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư cuối năm	25.000.000.000	85.464.672	908.053.157	509.297.006	4.737.818.055	31.240.632.890

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.250.000.000	12.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	85.464.672	85.464.672
Cộng	25.085.464.672	25.085.464.672

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	25.059.957.596	20.757.352.004
- Doanh thu cấp nước	14.043.874.700	11.835.913.500
- Doanh thu lắp đặt	9.783.462.917	8.921.438.504
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(899.935)	-
- Hàng bán bị trả lại	(899.935)	-
Doanh thu thuần	23.826.437.682	20.757.352.004

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp nước (*)	5.222.045.936	4.734.877.238
Giá vốn xây lắp	9.121.956.737	8.427.685.817
Cộng	14.344.002.673	13.162.563.055
(*) Giá vốn cung cấp nước như sau:		
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	6.656.958	
Chi nhân công trực tiếp	1.781.600.050	
Chi phí sản xuất chung	3.433.788.928	
Tổng chi phí sản xuất	5.222.045.936	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	
Giá vốn cung cấp nước	5.222.045.936	
(**) Giá vốn xây lắp như sau:		
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	7.575.796.738	
Chi nhân công trực tiếp	1.245.539.206	
Chi phí sản xuất chung	2.440.190.243	
Tổng chi phí sản xuất	11.261.526.187	
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(1.945.411.983)	
Kết chuyển khác	(194.157.467)	
Giá vốn xây lắp	9.121.956.737	

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	54.404.274	39.420.971
Lãi đầu tư ngắn hạn	457.632.393	680.348.666
Cộng	512.036.667	719.769.637

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	662.920.949	553.536.917
Chi phí vật liệu bao bì	478.371.564	581.761.431
Chi phí đồ dùng	43.054.000	79.881.500
Chi phí khấu hao	18.058.708	18.058.712
Chi phí khác	37.247.116	35.405.880
Cộng	1.239.652.337	1.268.644.440

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.970.624.932	1.466.422.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.990.163	139.211.000
Chi phí khấu hao	123.902.979	71.713.068
Thuế, phí và lệ phí	443.241.916	358.077.405
Chi phí dự phòng	20.735.629	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.456.175	166.920.570
Chi phí bằng tiền khác	657.087.257	644.834.474
Cộng	3.522.039.051	2.847.179.235

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù giá công trình Hiệp Hòa	389.130.000	-
Công trình Xuân Tân	202.299.582	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	128.658.980	-
Thu nhập khác	494.750	1.448.914
Cộng	<u>720.583.312</u>	<u>1.448.914</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.737.818.055	3.150.137.516
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.737.818.055	3.150.137.516
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.895</u>	<u>1.260</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.755.771.870	6.279.208.330
Chi phí nhân công	3.027.139.255	2.564.696.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.092.994.393	1.046.837.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.989.121	2.818.418.129
Chi phí khác	3.010.108.034	453.402.716
Cộng	<u>14.344.002.673</u>	<u>13.162.563.055</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phát sinh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	<u>992.461.500</u>	<u>847.065.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai

Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai như sau:

	<u>Năm nay</u>
Lãi cho vay	429.000.000
Thi tay nghề cho CNV	8.000.000
Cung cấp dịch vụ	5.395.320.776
Mua vật tư	1.252.378.336
Chia cổ tức	1.275.000.000

Tại ngày kết thúc năm kế toán, công nợ với Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	61.500.000	95.666.666
Phải thu cung cấp dịch vụ	2.364.648.111	3.058.394.546
Cộng nợ phải thu	<u>5.426.148.111</u>	<u>6.154.061.212</u>
Phải trả vật tư, thi tay nghề	1.652.663.692	267.047.552
Cộng nợ phải trả	<u>1.652.663.692</u>	<u>267.047.552</u>

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.444.046.038	974.285.852	3.444.046.038	974.285.852
Phải thu khách hàng	7.810.721.805	7.400.550.977	7.810.721.805	7.400.550.977
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	5.071.555.556	3.000.000.000	5.071.555.556
Các khoản phải thu khác	684.600.211	581.724.462	684.600.211	581.724.462
Cộng	<u>14.939.368.054</u>	<u>14.028.116.847</u>	<u>14.939.368.054</u>	<u>14.028.116.847</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.403.432.266	2.537.551.087	3.403.432.266	2.537.551.087
Phải trả người lao động	1.307.176.855	1.171.227.431	1.307.176.855	1.171.227.431
Chi phí phải trả	-	17.313.705	-	17.313.705
Các khoản phải trả khác	35.013.840	28.838.491	35.013.840	28.838.491
Cộng	<u>4.745.622.961</u>	<u>3.754.930.714</u>	<u>4.745.622.961</u>	<u>3.754.930.714</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	3.403.432.266	-	3.403.432.266
Phải trả người lao động	1.307.176.855	-	1.307.176.855
Các khoản phải trả khác	35.013.840	-	35.013.840
Cộng	4.745.622.961	-	4.745.622.961
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	2.537.551.087	-	2.537.551.087
Phải trả người lao động	1.171.227.431	-	1.171.227.431
Chi phí phải trả	17.313.705	-	17.313.705
Các khoản phải trả khác	28.838.491	-	28.838.491
Cộng	3.754.930.714	-	3.754.930.714

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: Số 02Bis, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8.- Lợi nhuận năm 2012:

Nội dung	Trước thuế	Sau thuế
* Lãi sản xuất nước 31/12/2012	4.060.137.376	3.349.613.335
* Lãi công trình xây lắp 31/12/2012	660.606.245	545.000.150
* Lãi thu nhập khác	516.446.142	426.068.068
* Hoạt động tài chính 31/12/2012	505.620.004	417.136.503
Cộng	5.742.809.767	4.737.818.056
* Sản xuất nước năm 2012	2.865.361	m3
* Ghi thu nước năm 2012	2.209.437	m3
* Tỷ lệ thất thoát năm 2012	22,89	%
Khách hàng sử dụng nước 31/12/2011	10.919	Khách hàng
Khách hàng sử dụng nước 31/12/2012	11.437	Khách hàng

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh Hương

Lê Văn Anh

Lê Văn Thới